TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU T** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v Tranh chấp Ly hôn, con chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân
2. Ông Thái Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh:*** Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp Ly hôn, con chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12-02-2025 và thông báo về việc mở lại phiên toà xét xử, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; trú tại: Số MB/M, hẻm NMM đường CMT8, khu phố S, phường B, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Minh, sinh năm 1975; trú tại: Số SB- SS, nhánh B, hẻm HB, quốc lộ 22B, ấp Thanh S, xã Thanh Đ, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12-4-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Trâm và anh Lê Văn M chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C T, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình

chung sống, do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không lo lắng cho gia đình, thường xuyên bất đồng với vợ con, chị T đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không thay đổi, anh M đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, chị có đến tìm anh M nhưng gia đình mẹ chồng và em chồng xua đuổi không cho gặp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị T xin ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Lê Minh Q, sinh ngày 19-3-2020; Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 27-7-2012 và Lê Minh P, sinh ngày 03-8-2017. Hiện các con chung đang sống với chị T. Chị T xin nuôi các con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng trong đó cho mỗi con chung là 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung.

Về nợ chung: Chị T yêu cầu giải quyết phần nợ chung của vợ chồng, yêu cầu anh M trả lại số tiền 605.936.593 đồng là số tiền chị T trả nợ thay cho anh M theo Quyết định số 21/2024/QĐST-KDTM của Toà án nhân dân thành phố T N, tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh T N.

- *Theo bị đơn anh Lê Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và con chung, anh thống nhất như chị T đã trình bày. Anh và chị T chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do trong vấn đề làm ăn của chị T và nợ nần tiền bạc của chị T dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra chị T còn mâu thuẫn với gia đình của anh. Tháng 5 năm 2023, anh có nộp đơn xin ly hôn với chị T tại Toà án nhân dân thành phố T N nhưng không được chấp nhận, anh có kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhưng xử y án. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh đồng ý giao 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, do công việc anh chưa ổn định nên anh cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, sau này công việc ổn định anh sẽ cấp dưỡng thêm cho các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh M đồng ý trả số tiền nợ trên cho chị T

Tại phiên Toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn M.

Về quan hệ con chung: có 03 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 19-3-2020; Lê Ngọc T A, sinh ngày 27-7-2012 và Lê Minh P, sinh ngày 03-8-2017. Hiện các con chung đang sống với mẹ. Chị T xin nuôi các con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng là chưa phù hợp, mức cấp dưỡng nuôi con chung cần buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng, mỗi con chung 2.000.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung thành niên tự lao động sinh sống được.

Anh M được quyền đến thăm con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản nên không xem xét.

Về nợ chung: Thống nhất có nợ chung tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh T N. Chị T đã trả nợ thay cho anh M số tiền tại Quyết định số 21/2024/QĐST-KDTM của Toà án nhân dân thành phố T N, tỉnh Tây Ninh. Chị T yêu cầu anh M trả lại số tiền 605.936.593 (sáu trăm lẻ năm triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi ba) đồng là số tiền chị Trâm trả nợ thay cho anh M là phù hợp nên cần buộc anh M có trách nhiệm trả số tiền này cho chị T là phù hợp.

Về án phí sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

Anh Minh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí trả nợ cho chị T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh M vắng mặt không lý do, chị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn M chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ch T, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không lo lắng cho gia đình, thường xuyên gây gỗ với vợ con, chị T đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không thay đổi, anh M đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, chị T có đến tìm nhưng gia đình mẹ chồng và em chồng xua đuổi không cho gặp. Trước đây anh M có làm đơn xin ly hôn với chị Tại toà án nhân dân thành phố T N nhưng vì còn thương chồng nhiều nên chị xin đoàn tụ, sau đó không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị T xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C Th, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng chung sống với nhau cần có sự giúp nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu và cùng có trách nhiệm với gia đình, con chung. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị T, anh M không còn sự đồng hành, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng, không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Hiện chị T không còn tình cảm với anh M, anh M cũng đồng ý ly hôn với chị T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận về sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh M chị T.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 19-3-2020; Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 27-7-2012 và Lê Minh P, sinh ngày 03-8-2017. Chị T xin nuôi 03 con chung, anh M đồng ý giao 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên ghi nhận.

Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng,

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 15.000.000 đồng, anh M chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật buộc phải cấp dưỡng, số tiền chị T yêu cầu mỗi tháng cấp dưỡng cho 03 con chung 15.000.000 đồng là quá cao chưa phù hợp với thực tế hiện tại và mức thu nhập hàng tháng của anh M. Theo quy định, anh M phải có trách nhiệm, nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, mức cấp dưỡng anh M đưa ra là thấp so

với thực tế hiện tại để nuôi 01 cháu bé, không thể đủ để cho các bé sinh sống nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị T là phù hợp. Anh M phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 6.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T đã rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, anh M không yêu cầu toà án giải quyết về tài sản chung nên Toà án sẽ đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị T và không xem xét về phần tài sản chung của vợ chồng.

[5] Nợ chung: Chị T, anh M thống nhất nợ chung của vợ chồng là phần nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh T N. Chị T đồng ý trả nợ thay cho anh M số tiền tại Quyết định số 21/2024/QĐST-KDTM của Toà án nhân dân thành phố T N, tỉnh Tây Ninh. Chị T yêu cầu anh M trả lại số tiền 605.936.593 (sáu trăm lẻ năm triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi ba) đồng, anh M cũng đồng ý trả lại số tiền trên cho chị T nên ghi nhận.

[6] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà.

Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí sơ thẩm dân sự (giải quyết nợ) là 28.237.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối anh Lê Văn M. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 19-3-2020; Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 27-7-2012 và Lê Minh P, sinh ngày 03-8-017. Anh M, chị T thống nhất giao 03 con chung cho chị Trâm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Lê Văn M cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng (mỗi con chung một tháng là 2.000.000 đồng) cho đến khi các con chung thành niên tự lao động sinh sống được. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 4/2025.

Anh M được quyền đến thăm các con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị T, anh M. Chị T được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu. Án phí được giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh M đồng ý trả số tiền 605.936.593 (sáu trăm lẻ năm triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi ba) đồng cho chị T. Ghi nhận chị Trâm không yêu cầu tính lãi.

6. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trâm đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009146 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Chị T không phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại số tiền 14.619.000 (mười bốn triệu sáu trăm mười chín ngàn) đồng tại biên lai thu số 0009542 ngày 15 tháng 7 năm 2024. Chị T được nhận lại số tiền trên.

Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 28.237.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí anh M phải nộp là 28.537.000 (hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn) đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu T;
- Chi cục THA DS huyện Châu T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm